

Cơ bản: một lệnh và một tài khoản hoạt động thế nào

LearnFX · Vietnam · 15

1.1 Điều gì xảy ra khi bạn nhấn Mua

Bài này giải thích chính xác điều gì xảy ra sau khi bạn nhấn nút Mua: lệnh rời nền tảng, được khớp ở một mức giá, trở thành một vị thế đang mở, rồi kết thúc khi bạn đóng. Mọi khoản chi phí đều gắn với một trong bốn bước đó, nên hiểu rõ từng bước giúp bạn biết mình đang trả tiền cho cái gì. Ví dụ dùng XAU/USD quanh 2.410,00 và mọi con số tiền đều tính bằng đ.

Giá bạn thấy khi nhấn Mua	2.410,00
Giá khớp thực tế	2.410,50
Chênh lệch giá mua và giá bán	0,50
Phí hoa hồng cho một lệnh	50.000 đ

1.2 Cặp tiền và báo giá: 1.0850 nghĩa là gì

Bài này giải thích một báo giá tiền tệ là gì, và vì sao chữ số thập phân cuối cùng lại đáng tiền. Bạn sẽ thấy một báo giá gồm hai con số, và mỗi lần con số cuối nhích một bước, số tiền trong tài khoản của bạn thay đổi theo. Mục tiêu là để bạn đọc được một báo giá XAU/USD quanh mức 2.410,00 và biết phần nào là giá mua, phần nào là giá bán.

Giá bán (bid)	2.410,00
Giá mua (ask)	2.410,20
Chênh lệch bid-ask	0,20 đơn vị giá
Số tiền chênh lệch trên 1 lot tiêu chuẩn	khoảng 4.600.000 đ

1.3 Một pip đáng bao nhiêu tiền

Bài này trả lời một câu hỏi rất cụ thể: một pip đáng bao nhiêu tiền. Pip là bước giá chuẩn nhỏ nhất mà giá có thể nhích lên hoặc xuống, và giá trị của nó không cố định. Cùng một biến động hai mươi pip có thể trả về số tiền rất khác nhau, tùy vào khối lượng lệnh và cặp hay hàng hoá đang giao dịch.

Khối lượng lệnh nhỏ	0,1 lot
Giá trị một pip với 0,1 lot	1 USD
Quy đổi sang VND	khoảng 25.000 đ
Giá trị một pip với 1 lot	10 USD

1.4 Lot: tiêu chuẩn, mini và micro

Bài này giải thích lot là gì và ba cỡ lot thường gặp: tiêu chuẩn, mini và micro. Mục tiêu là để bạn nhìn một lệnh và biết nó đang kiểm soát bao nhiêu đơn vị XAU/USD, từ đó ước tính được số tiền lãi hoặc lỗ trên mỗi lần giá nhích.

Lot tiêu chuẩn	1,00 lot
Lot mini	0,10 lot
Lot micro	0,01 lot
Giá trị một pip của lot tiêu chuẩn	Thay đổi theo từng broker

1.5 Ba loại chi phí: spread, hoa hồng, swap

Bài này giải thích ba loại chi phí xuất hiện khi bạn giao dịch: spread, hoa hồng và swap. Mục tiêu là để bạn biết trước số tiền mình phải trả, thay vì phát hiện sau khi lệnh đã đóng. Ví dụ, nếu spread là 1,2 điểm giá trên một lô tiêu chuẩn XAU/USD và hoa hồng là 7 đô la cho mỗi chiều, thì chi phí vào và ra lệnh được tính cụ thể bằng đơn vị tiền tệ.

Giá mua (ask)	2.411,20
Giá bán (bid)	2.410,00
Chi phí spread khi vào lệnh	1,2 điểm giá
Hoa hồng mỗi chiều	7 đô la

1.6 Swap qua đêm và tài khoản miễn swap

Bài này giải thích swap là gì và vì sao nó là một khoản tiền bạn trả mỗi ngày khi giữ một vị thế dùng đòn bẩy qua đêm. Bạn sẽ thấy cách tính swap cho một lệnh XAU/USD và cách một tài khoản miễn swap thay khoản đó bằng một khoản phí khác. Mục tiêu là để bạn nhìn được con số bằng USD rồi đối ra đ trước khi mở lệnh.

Khối lượng vị thế	1 lô tiêu chuẩn XAU/USD
Giá XAU/USD lúc mở	2.410,00 USD
Số đêm giữ lệnh	1 đêm
Swap phải trả cho 1 đêm	-8,00 USD

1.7 Đòn bẩy và ký quỹ: bao nhiêu phần của lệnh là của bạn

Trong bài này, bạn sẽ học hai khái niệm quyết định số tiền bạn cần để mở một lệnh: đòn bẩy và ký quỹ. Đòn bẩy quy định vị thế lớn đến đâu mà tiền gửi của bạn có thể giữ. Ký quỹ là phần tiền của bạn bị khóa cho vị thế đó khi lệnh còn mở. Ví dụ, với XAU/USD quanh 2.410,00, đòn bẩy 1:30 giữ một lô tiêu chuẩn cần khoảng 217.000.000 đ ký quỹ, còn đòn bẩy 1:500 chỉ cần khoảng 13.000.000 đ.

Giá XAU/USD	2.410,00 USD
Kích thước một lô tiêu chuẩn	100 ounce
Giá trị hợp đồng một lô	241.000,00 USD
Tỷ giá quy đổi tham chiếu	1 USD = 25.000 đ

1.8 Các loại lệnh: thị trường, giới hạn, dừng

Bài này giải thích ba loại lệnh cơ bản: lệnh thị trường, lệnh giới hạn và lệnh dừng. Mục tiêu là để bạn hiểu mỗi loại lệnh khớp ở mức giá nào, và vì sao cùng một ý tưởng mua XAU/USD có thể cho ba mức giá vào khác nhau. Khi đã hiểu, bạn sẽ biết cách tính số tiền chênh lệch bằng VND trước khi bấm nút.

Lệnh thị trường mua	2.410,00
Lệnh giới hạn mua	2.405,00
Lệnh dừng mua	2.415,00
Chênh lệch giữa lệnh thị trường và lệnh giới hạn	5,00

1.9 Cắt lỗ và chốt lời

Cắt lỗ và chốt lời là hai chỉ dẫn bạn gắn vào một vị thế ngay khi mở nó. Cắt lỗ đóng vị thế ở mức lỗ bạn đã chọn trước. Chốt lời đóng vị thế ở mức lời bạn đã chọn trước. Mục đích là để bạn biết trước mình có thể mất bao nhiêu tiền và có thể được bao nhiêu tiền.

Khối lượng vị thế	0,1 lô
Giá vào lệnh	2.410,00
Khoảng cách cắt lỗ	20 điểm
Khoảng cách chốt lời	40 điểm

1.10 MT4, MT5 và cTrader: chọn cái nào

Bài này giải thích ba nền tảng MT4, MT5 và cTrader khác nhau ở đâu khi bạn vào một lệnh XAU/USD, và vì sao chi phí hiện ra khác nhau dù cùng một tài khoản. Sau khi đọc, bạn sẽ biết mỗi nền tảng hỏi bạn điền những ô nào, và con số ở cuối cùng đến từ đâu. Chọn nền tảng có thể đổi lại; loại tài khoản phía sau thì khó đổi hơn.

Giá vào lệnh	2.410,00
Khối lượng	0,10 lot
Số dư tài khoản	₫50.000.000
Ký quỹ ước tính	₫12.000.000

1.11 Giao dịch từ điện thoại

Bài này định nghĩa giao dịch từ điện thoại là việc đặt lệnh và theo dõi vị thế qua ứng dụng trên thiết bị di động, thay vì qua phần mềm trên máy tính. Điểm khác biệt không nằm ở việc đặt lệnh, mà nằm ở chỗ màn hình nhỏ hiển thị được bao nhiêu thông tin cùng lúc. Vì vậy, cùng một lệnh XAU/USD có thể được quyết định bởi ít dữ liệu hơn, và bài học này cho thấy điều đó ảnh hưởng đến cách bạn chọn khối lượng giao dịch như thế nào.

Giá XAU/USD tham chiếu	2.410,00 USD
Khối lượng giao dịch	0,10 lot tiêu chuẩn
Số pip di chuyển	20 pip
Giá trị một pip trên một lot tiêu chuẩn	Thay đổi theo broker

1.12 Tài khoản demo: chúng dạy gì và chỗ nào chúng nói dối

Bài này giải thích tài khoản demo dạy được gì và không dạy được gì. Bạn sẽ thấy cùng một lệnh XAU/USD có thể khớp ở mức giá khác nhau giữa demo và tài khoản thật, và chênh lệch đó quy ra tiền bằng VND. Mục tiêu là để bạn không nhầm cảm giác trên demo với kết quả thật.

Giá yêu cầu mua XAU/USD	2.410,00
Giá khớp trên tài khoản demo	2.410,00
Giá khớp trên tài khoản thật	2.410,50
Khối lượng lệnh	1 lô tiêu chuẩn XAU/USD

1.13 Các loại tài khoản: tiêu chuẩn, chênh lệch thô, cent

Bài này giải thích ba kiểu tài khoản phổ biến — tiêu chuẩn, chênh lệch thô và cent — và cách chúng làm chi phí của cùng một lệnh XAU/USD khác nhau. Mục tiêu là để bạn nhìn vào bảng phí và tự tính được số tiền mình trả, thay vì chỉ nhìn con số spread quảng cáo.

Giá mua vào	2.410,00
Giá bán ra trên tài khoản tiêu chuẩn	2.409,60
Giá bán ra trên tài khoản chênh lệch thô	2.409,75
Hoa hồng tài khoản chênh lệch thô	80.000 đ

1.14 Mở tài khoản và vượt qua xác minh

Bài này giải thích chính xác một tài khoản giao dịch được mở như thế nào: đó là một quy trình nhận diện khách hàng, trong đó sàn môi giới phải thu thập giấy tờ trước khi cho nạp tiền, và mọi bước đều có thể làm chậm đơn đăng ký. Mục tiêu là để người mới biết mình cần chuẩn bị gì, mất bao lâu, và vì sao có những câu hỏi tưởng như thừa.

Phí mở tài khoản	0 đ
Số tiền nạp tối thiểu	thay đổi theo sàn
Thời gian xác minh thông thường	1 đến 3 ngày làm việc
Thời gian nếu ảnh mờ hoặc thiếu	3 đến 7 ngày làm việc

1.15 Nạp và rút tiền bằng phương thức địa phương

Bài này giải thích một định nghĩa trước tiên: nạp tiền là bạn chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình sang tài khoản của sàn môi giới, còn rút tiền là sàn chuyển tiền về lại cho bạn. Sau đó bài chỉ đưa ví dụ về số tiền, thời gian và cách quy đổi sang đ. Bạn sẽ thấy mỗi chặng mất bao lâu và vì sao tiền rút thường phải quay về đúng nơi tiền đã đi vào.

Số tiền bạn muốn nạp	200.00 USD
Thời gian chuyển khoản ngân hàng trong nước	vài giờ đến 1 ngày làm việc
Phí chuyển khoản	thay đổi theo ngân hàng
Thời gian sàn ghi có vào tài khoản	thường trong cùng ngày làm việc

Giao dịch forex và CFD có rủi ro mất tiền cao. Hầu hết tài khoản bán lẻ đều thua lỗ. Không có nội dung nào ở đây là khuyến nghị giao dịch hay dự đoán về bất kỳ kết quả nào. — LearnFX Editorial Desk